TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HS-ST
Ngày: 08-02-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duy.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phùng Thị Khánh Vân.

2. Bà Đoàn Thị Mến.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa*:** Ông Võ Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2017/TLST-HS ngày 14/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/HSST-QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Trần Đức T, sinh năm 1985 tại tỉnh Quảng Trị.

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt nam; con ông Trần Đức T1 và bà Hoàng Thị Thanh T2; vợ là Phạm Thị Đ; bị cáo là con thứ 02 trong gia đình có 05 người con; tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân:

- Ngày 11/6/2003, bị đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi trộm cắp tài sản;

- Ngày 26/10/2006, bị Tòa án huyện C xử phạt 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Ngày 25/02/2008, bị Tòa án huyện C xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

- Ngày 07/4/2009, bị Tòa án huyện C xử phạt 14 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền án: Tại Bản án số 122/HSST ngày 10/9/2010, bị Tòa án huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/10/2012, nhưng chưa thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt ngày 09/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C. "Bị cáo có mặt tại phiên tòa".

Bị Hi: Bà Phan Thị Bé H, sinh năm 1981.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố L, phường M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Nơi ở: Số xx Dương Bạch Mai, khu phố L, thị trấn TT, huyện D, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn H, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. "Có đơn xin vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/10/2017, Trần Đức T đi ngang qua cơ sở thu mua hải sản Quang, tại ấp A, xã B, huyện C, T phát hiện một xe Honda Vision, biển kiểm soát 85B1-170.48 của bà Phan Thị Bé H dựng bên hông vựa cá, không có người trông coi, xe cắm sẵn chìa khóa. T đi vào vựa cá quan sát không thấy ai, tiếp cận xe và dắt xe ra ngoài khởi động cHy đi.

T điều khiển xe đến ngôi nhà hoang trong khu vực đất thuộc Khu bảo tồn tại ấp Khu I, xã B, huyện C tháo biển số 85B1-170.48 ra và gắn biển số 86B6-101.40 vào xe. Thay xong biển số, T điều khiển xa mô tô tới xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận để tìm người tiêu thụ và T đã bán xe cho bà Nguyễn Thị C với giá 3.000.000 đồng. Khi bán xe cho bà C, T nói xe này là của đối tượng đánh bạc thua cầm cố cho T, xe không có giấy tờ, nên bà C không biết xe này do trộm cắp mà có.

Qua trình báo của bị Hi và trích xuất hình ảnh ghi lại từ camera an ninh của cơ sở kinh doanh hải sản Quang, Cơ quan điều tra đã triệu tập Trần Đức T làm việc. Tại Cơ quan điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 66/KL-HĐĐG ngày 20/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, xác định tại thời điểm xảy ra vụ án xe mô tô hiệu Honda Vision, số khung: 3305CY258777, số máy: 33E0271017 có trị giá 17.508.850 đồng.

Xử lý vật chứng: 01 xe mô tô Honda Vision màu nâu đỏ, số khung: 3305CY258777, số máy: 33E0271017. Cơ quan điều tra Công an huyện C đã xử lý bằng cách trả lại chiếc xe mô tô cho chủ sở hữu là bà Phan Thị Bé H.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bà Phan Thị Bé H đã nhận lại xe mô tô Honda Vision, số khung: 3305CY258777, số máy: 33E0271017, không yêu cầu gì trong vụ án.

- Bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà Công số tiền 3.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Đức T tội "Trộm cắp tài sản".

Bản cáo trạng số 02/QĐ-KSĐT ngày 13/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố Trần Đức T tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 20 đến 24 tháng tù giam.

Về trách nhiệm dân sự: Do bà Nguyễn Thị C vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị dành quyền khởi kiện cho bà Nguyễn Thị C đối với bị cáo bằng một vụ án dân sự khác.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision, số khung: 3305CY258777, số máy: 33E0271017 đã trả lại cho bị hại là bà Phan Thị Bé H, đề nghị không xem xét.

- Đối với biển số xe 86B6-101.40, Công an huyện C đã tách ra khỏi vụ án để tiếp tục truy tìm chủ sở hữu và xử lý sau, đề nghị không xem xét.

- Đối với 01 USB hiệu Kington đề nghị lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Đối với bà Nguyễn Thị C khi mua xe mô tô của bị cáo, không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét về trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hỗi sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Đức T tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 02/10/2017, lợi dụng sự hở, thiếu cảnh giác trong việc trông coi tài sản của chủ sở hữu, Trần Đức T đã lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển kiểm soát 85B1-170.48 của bà Phan Thị Bé H, trị giá 17.508.850 đồng (Mười bảy triệu năm trăm lẻ tám nghìn tám trăm năm mươi đồng). Hành vi của Trần Đức T đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Tại bản án số 122/HSST ngày 10/9/2010 của Tòa án nhân dân huyện huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" và bị cáo Trần Đức T thuộc trường hợp "Tái phạm". Ngày 16/10/2012, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm và ngày 02/10/2017, bị cáo phạm tội do cố ý khi chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này của bị cáo là "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49 Bộ luật hình sự năm 1999.

Theo quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 thì *"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

c) Tái phạm nguy hiểm;"

Vì vậy, hành vi trộm cắp tài sản trị giá dưới 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) của bị cáo lần này đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[3]. Về điều luật áp dụng: Căn cứ Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2016/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015. Sau khi so sánh tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 có lợi cho người phạm tội nên áp dụng Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo.

Viện kiểm sát nhân dân huyện C áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là chưa phù hợp. Bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết định khung hình phạt, nên căn cứ Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử bị cáo.

[4]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức rõ về hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi, lười lao động và coi thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, đã được cải tạo giáo dục nhưng bị cáo không sửa chữa bản thân mà tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo bằng hình phạt tù nghiêm khắc để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, vì vậy cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 và xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại là bà Phan Thị Bé H đã nhận lại tài sản của mình và không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã mua xe của bị cáo là 3.000.000 đồng, tuy nhiên tại đơn xin xét xử vắng mặt bà Công không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét và dành quyền khởi kiện cho bà Công đối với bị cáo bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Kiểm sát viên đề nghị giải quyết phần trách nhiệm dân sự trong vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô hiệu Honda Vision, số khung: 3305CY258777, số máy: 33E0271017 đã trả lại cho bị hại là bà Phan Thị Bé H, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với biển số xe 86B6-101.40, Công an huyện C đã tách ra khỏi vụ án để tiếp tục truy tìm chủ sở hữu và xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với 01 USB hiệu Kington do bị hại là bà Phan Thị Bé H giao nộp là tài liệu, chứng cứ của vụ án nên lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xử lý vật chứng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7]. Đối với bà Nguyễn Thị C khi mua xe mô tô của bị cáo, không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý hình sự là có căn cứ.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội thì người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Trần Đức T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 33; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 298 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Đức T: 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Đức T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- Bị cáo; bị Hi; Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Văn Duy